

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 1015/QĐ-UBND

Đồng Nai, ngày 31 tháng 3 năm 2021

**QUYẾT ĐỊNH**

**Phê duyệt Phương án quản lý rừng bền vững giai đoạn 2021-2030  
của Trung tâm Dịch vụ nông nghiệp tỉnh**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI**

*Căn cứ Luật Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Đa dạng sinh học ngày 13 tháng 11 năm 2008;*

*Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;*

*Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 23 tháng 6 năm 2014;*

*Căn cứ Luật Lâm nghiệp ngày 15 tháng 11 năm 2017;*

*Căn cứ Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp;*

*Căn cứ Nghị định 83/2020/NĐ-CP ngày 15 tháng 7 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Điều của Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp;*

*Căn cứ Quyết định số 1288/QĐ-TTg ngày 01 tháng 10 năm 2018 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Đề án quản lý rừng bền vững và chứng chỉ rừng;*

*Căn cứ Quyết định số 4691/QĐ-BNN-TCLN ngày 27 tháng 11 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành Kế hoạch thực hiện Đề án quản lý rừng bền vững và chứng chỉ rừng;*

*Căn cứ Thông tư số 28/2018/TT-BNNPTNT ngày 16 tháng 11 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về quản lý rừng bền vững;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số 5305/TTr-SNN ngày 18 tháng 12 năm 2020; Văn bản 786/SNN-CCKL ngày 02 tháng 3 năm 2021; Văn bản số 1087/SNN-CCKL ngày 23 tháng 3 năm 2021.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt Phương án quản lý rừng bền vững giai đoạn 2021-2030 của Trung tâm Dịch vụ nông nghiệp tỉnh (kèm theo Phương án), với nội dung



chính như sau:

## 1. Mục tiêu Phương án

### a) Mục tiêu chung

Nhằm ổn định dân cư, phát triển rừng bền vững và đồng bộ cho các hoạt động bảo vệ, bảo tồn đa dạng sinh học, nâng cao giá trị phòng hộ môi trường; tạo mô hình lâm viên phục vụ tham quan du lịch sinh thái, phục vụ cho việc học tập và nghiên cứu khoa học; hướng tới quản lý theo các kế hoạch một cách bền vững về 3 mặt xã hội, môi trường và kinh tế.

### b) Mục tiêu cụ thể:

- Về xã hội: ổn định dân cư trong lâm phận; nâng cao, trình độ và nhận thức của người dân thông qua các hoạt động tuyên truyền, tập huấn và chia sẻ lợi ích từ rừng.

- Về môi trường: duy trì độ che phủ rừng của Trung tâm Dịch vụ nông nghiệp tỉnh đến năm 2030 là 75%; góp phần điều hòa nguồn nước, giảm thiểu mức độ ngập úng cho thành phố Biên Hòa, duy trì mực nước ngầm, cung cấp nguồn nước cho phòng cháy chữa cháy rừng, tạo cảnh quan phục vụ người dân khu vực thành phố Biên Hòa và khu vực lân cận; phục hồi các loài động vật hoang dã trong quá trình khoanh nuôi bảo vệ rừng, sưu tập trồng các loài thực vật rừng quý hiếm sẽ góp phần vào nguồn gen.

- Về kinh tế: sẽ từng bước chủ động được một phần nguồn kinh phí thông qua nguồn thu từ các hoạt động tổ chức các dịch vụ du lịch sinh thái, sản xuất kinh doanh và cho thuê môi trường rừng; hệ thống cơ sở hạ tầng phục vụ bảo vệ rừng và cháy chữa cháy được cải thiện, giúp công tác quản lý bảo vệ và phát triển rừng được tiến hành dễ dàng và hiệu quả hơn.

## 2. Các kế hoạch thực hiện Phương án quản lý rừng bền vững đến năm 2030

### a) Kế hoạch sử dụng đất:

- Đến năm 2030, tổng diện tích quy hoạch 3 loại rừng trong vùng dự án là 186,74 ha, giảm 19,62 ha so với năm 2020, cụ thể: diện tích chuyển sang đất quốc phòng là 10,66 ha; chuyển sang đất giao thông mở rộng đường 8,96 ha.

- Ổn định dân cư: thực hiện đo đạc kiểm kê xác định diện tích đất, nhà ở, công trình; xây dựng phương án ổn định dân cư chi tiết để trình các cơ quan chức năng thẩm định, phê duyệt.

### b) Kế hoạch khoán bảo vệ rừng

Không thực hiện giao khoán mới và không thực hiện chuyển đổi hợp đồng giao khoán theo Nghị định số 168/2016/NĐ-CP ngày 27 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ. Rà soát toàn bộ diện tích giao khoán tiến hành thanh lý những hợp đồng hết thời hạn, tiếp tục kiểm tra đánh giá tình hình thực hiện đối với hợp đồng còn thời hạn, đồng thời làm việc vận động người dân đồng thuận chấm dứt hợp đồng trước thời hạn.

### c) Kế hoạch quản lý, bảo vệ rừng

Tiếp tục phối hợp với các cơ quan chức năng hoàn thiện lập hồ cấp giấy

chứng nhận quyền sử dụng đất diện tích chưa được cấp 114,23 ha; củng cố và xây dựng lực lượng bảo vệ rừng có đủ năng lực để thực thi nhiệm vụ; đầu tư mua sắm đầy đủ công cụ, phương tiện, trang thiết bị phục vụ bảo vệ rừng; xây dựng và hoàn thiện các công trình phục vụ công tác bảo vệ rừng; khuyến khích cộng đồng địa phương tham gia vào bảo vệ rừng bằng các hội nghị tuyên truyền; phối hợp với chính quyền địa phương trong giải quyết sục đồ hàng rào và sạt lở đất...

d) Kế hoạch phòng cháy, chữa cháy rừng

Tổ chức lực lượng phòng cháy chữa cháy rừng; tăng cường công tác tuần tra, bảo vệ rừng và chủ động phòng cháy chữa cháy rừng vào mùa khô hàng năm; làm giảm vật liệu cháy và ngăn chặn kịp thời các tác nhân gây cháy; tuyên truyền giáo dục pháp luật, phổ biến kỹ thuật phòng cháy chữa cháy rừng; xây dựng hệ thống biển báo cháy, bảng nội quy, quy định về phòng cháy chữa cháy rừng; xây dựng phương án và cơ sở hạ tầng phục vụ phòng cháy chữa cháy rừng;

đ) Kế hoạch phòng trừ sinh vật gây hại rừng

Khoanh vùng khu vực bị sâu bệnh tấn công, loài sâu bệnh và thời gian xuất hiện, mức độ gây hại. Từ đó, tổ chức phun thuốc diệt trừ sâu hại kịp thời, dứt điểm, không để lây lan nhanh.

e) Kế hoạch bảo tồn đa dạng sinh học

Thiết lập hệ thống các biển báo về bảo tồn các loài động vật, biển báo cấm xả chất thải, đổ rác vào rừng,...; xác định mối đe dọa, đánh giá nguyên nhân, đánh giá chất lượng môi trường,... từ đó đề xuất được các giải pháp bảo tồn cho từng nhóm loài được kịp thời và hiệu quả nhằm thực hiện tốt nhiệm vụ quản lý, bảo tồn và phát triển tài nguyên đa dạng sinh học của đơn vị.

g) Kế hoạch phát triển rừng:

- Trồng mới trên diện tích đất chưa có rừng với diện tích 32,32 ha;
- Trồng cây gỗ lớn nâng cao chất lượng rừng với diện tích 53 ha;
- Gieo ươm giống cây lâm nghiệp phục vụ công tác trồng rừng và cung cấp cho thị trường: sản xuất cây gỗ lớn 500.000 cây;
- Xây dựng 0,25 ha vườn keo lai đầu dòng, sản xuất 3.500.000 cây keo lai.
- Rà soát đất trống để trồng rừng.

h) Nghiên cứu khoa học, giảng dạy, thực tập, đào tạo nguồn nhân lực

Xây dựng kế hoạch tập huấn kỹ thuật chuyên môn, nghiệp vụ cho các cán bộ phụ trách về bảo vệ rừng và phòng cháy chữa cháy rừng; cử cán bộ tham gia học tập nâng cao trình độ, phục vụ tốt cho công tác quản lý bảo vệ rừng và nghiên cứu khoa học.

i) Du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng và giải trí

Xây dựng Đề án du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí theo quy định trình phê duyệt tổ chức thực hiện.



k) Xây dựng hạ tầng phục vụ quản lý, bảo vệ, phát triển, sử dụng rừng

Trên cơ sở đánh giá thực trạng cơ sở hạ tầng phục vụ quản lý bảo vệ rừng và phát triển rừng, phòng cháy chữa cháy rừng đã lập kế hoạch xây dựng cơ sở hạ tầng trong giai đoạn năm 2021-2030 gồm: xây dựng mới nhà nuôi cấy mô, trạm quản lý bảo vệ rừng, hàng rào bảo vệ; sửa chữa các công trình hạ tầng nhà văn phòng, nhà điều hành vườn ươm, hàng rào, trạm quản lý bảo vệ rừng,...

k) Hoạt động chi trả dịch vụ môi trường rừng, thuê môi trường rừng

Các loại dịch vụ được tiến hành bao gồm: dịch vụ môi trường từ các cơ sở nước sạch, các cơ sở sản xuất công nghiệp, dịch vụ cacbon rừng; cho thuê dịch vụ môi trường rừng để tổ chức các hoạt động du lịch sinh thái.

l) Tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về bảo vệ, phát triển rừng: Tuyên truyền nâng cao nhận thức cộng đồng về phòng cháy chữa cháy rừng; tuyên truyền ý thức bảo vệ thiên nhiên và quảng bá khu rừng; theo dõi diễn biến tài nguyên rừng, đa dạng sinh học; điều tra, kiểm kê rừng.

3. Tổng vốn đầu tư dự kiến: 35.975 triệu đồng.

a) Phân theo giai đoạn

- Giai đoạn 2021-2025: 25.800 triệu đồng;

- Giai đoạn 2026-2030: 10.175 triệu đồng.

b) Phân theo hạng mục đầu tư

- Khoán bảo vệ rừng cho hộ gia đình, tổ chức, cá nhân, cộng đồng dân cư tại chỗ: 141 triệu đồng;

- Bảo vệ rừng, bảo tồn đa dạng sinh học: 5.773 triệu đồng;

- Kế hoạch phát triển rừng: 5.863 triệu đồng;

- Nghiên cứu khoa học, giảng dạy, đào tạo nguồn nhân lực: 1.550 triệu đồng;

- Phát triển du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí: 200 triệu đồng và theo Đề án phát triển du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí được duyệt.

- Xây dựng cơ sở hạ tầng: 19.578 triệu đồng

- Tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về bảo vệ, phát triển rừng, phòng cháy chữa cháy rừng: 1.670 triệu đồng;

- Theo dõi diễn biến tài nguyên rừng, đa dạng sinh học; điều tra, kiểm kê rừng: 200 triệu đồng;

- Lập phương án ổn định dân cư: 1.000 triệu đồng và theo Phương án ổn định dân cư được duyệt.

c) Phân theo nguồn vốn

- Nguồn vốn Ngân sách Nhà nước: 26.194 triệu đồng;

- Vốn từ dịch vụ môi trường rừng: 141 triệu đồng;

- Vốn sản xuất kinh doanh, dịch vụ: 9.640 triệu đồng.

#### 4. Giải pháp thực hiện Phương án

a) Giải pháp về công tác quản lý, nguồn nhân lực: Củng cố lại cơ cấu tổ chức: gồm Ban giám đốc và 05 phòng chức năng. Củng cố và bổ sung nhân sự: Tuyển mới cán bộ, viên chức đủ về số lượng, có trình độ phù hợp với các chức danh công việc; Khuyến khích cán bộ, viên chức tham gia các khóa học nâng cao trình độ, mở các lớp huấn luyện chuyên môn, nghiệp vụ để nâng cao năng lực của cán bộ, viên chức.

b) Giải pháp về tuyên truyền, đào tạo nguồn nhân lực, ngăn chặn các hành vi xâm hại tài nguyên rừng: Tăng cường công tác tuyên truyền, vận động nhân dân hiện đang sinh sống trong lâm phận phối hợp với cơ quan chức năng trong việc thực hiện phương án ổn định dân cư; Làm tốt công tác phối hợp giữa lực lượng Bảo vệ rừng, Kiểm lâm, Công an, Dân quân tự vệ và các lực lượng khác trong công tác bảo vệ rừng; tập trung chỉ đạo thực hiện hiệu quả công tác cập nhật diễn biến rừng và đất lâm nghiệp; thường xuyên bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ cho cán bộ công nhân viên Trung tâm.

c) Giải pháp về khoa học, công nghệ: Bố trí nâng cấp, mua sắm máy móc thiết bị và xây dựng mới các hạng mục công trình; hình thành và nâng cao năng lực của đội ngũ cán bộ làm công tác khoa học kỹ thuật và tuyển dụng cán bộ có khả năng nghiên cứu khoa học; ứng dụng công nghệ GIS, ảnh vệ tinh trong quản lý, bảo vệ rừng, dự báo và kiểm soát cháy rừng; ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật trong việc tạo giống, trồng rừng, chăm sóc,... Xây dựng, đánh giá các mô hình thực nghiệm để nhân rộng; đầu tư xây dựng vườn ươm giống chất lượng cao bằng cách chuyển đổi sản xuất giống truyền thống bằng công nghệ như giâm hom, cấy mô,...

d) Giải pháp về nguồn vốn, huy động nguồn vốn đầu tư: Vốn Ngân sách nhà nước: Đầu tư cho các hạng mục ổn định dân cư; bảo vệ, bảo tồn, phát triển rừng; đầu tư các công trình xây dựng cơ sở hạ tầng, các công trình phòng cháy chữa cháy rừng,...; vốn huy động của các doanh nghiệp thuê môi trường rừng: Sau khi phương án quản lý rừng bền vững và đề án du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí được phê duyệt, Trung tâm sẽ tích cực kêu gọi đầu tư theo hình thức liên kết, cho thuê môi trường rừng để phát triển du lịch sinh thái; vốn sản xuất kinh doanh, dịch vụ: Trung tâm huy động nguồn vốn tự có từ nguồn thu dịch vụ môi trường rừng, từ hoạt động sản xuất của vườn ươm.

#### **Điều 2. Tổ chức thực hiện**

1. Trung tâm Dịch vụ nông nghiệp tỉnh chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện các nội dung tại Điều 1 Quyết định này, đảm bảo đúng mục tiêu và tiến độ thực hiện; tuân thủ đúng quy định hiện hành. Hàng năm xây dựng kế hoạch, phương án, dự án, hồ sơ thiết kế cho từng hạng mục cụ thể trình cấp có thẩm quyền thẩm định, phê duyệt, tổ chức thực hiện việc chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác hoặc chuyển loại rừng này sang loại rừng khác phải thực hiện đúng theo quy định của Luật Lâm nghiệp, Luật Đất đai và các Nghị định, Thông tư hướng dẫn khác có liên quan. Định kỳ hàng năm, 05 năm báo cáo tiến độ, kết quả thực hiện phương án về Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, các địa phương, đơn vị liên quan.

2. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn: có trách nhiệm phối hợp với

các Sở, Ban, Ngành, địa phương, đơn vị có liên quan chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra, giám sát Trung tâm Dịch vụ nông nghiệp tỉnh trong quá trình tổ chức thực hiện phương án.

3. Sở Tài chính: trên cơ sở kế hoạch thực hiện hằng năm của đơn vị, căn cứ tình hình ngân sách của địa phương, Sở Tài chính chủ trì phối hợp với các sở, ngành, đơn vị liên quan thẩm định, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh phân bổ nguồn kinh phí cho phù hợp để đơn vị thực hiện phương án.

4. Sở Kế hoạch và đầu tư: trên cơ sở kế hoạch thực hiện hằng năm của đơn vị nếu có hạng mục và công trình sử dụng nguồn vốn đầu tư công Sở Kế hoạch và đầu tư chủ trì phối hợp với Sở Tài chính, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thẩm định, tham mưu trình Ủy ban nhân dân tỉnh về khả năng cân đối vốn, bố trí nguồn vốn đầu tư công theo quy định của Luật đầu tư công; phối hợp với Trung tâm Dịch vụ nông nghiệp tỉnh, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Văn hóa Thể thao và Du lịch tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo các giải pháp đẩy mạnh, thu hút các nhà đầu tư quan tâm đầu tư vào lĩnh vực du lịch, sinh thái, nghỉ dưỡng tại Trung tâm Dịch vụ nông nghiệp tỉnh.

5. Các sở: Tài nguyên và Môi trường, Xây dựng, Giao thông Vận tải, Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Công Thương theo chức năng, nhiệm vụ có trách nhiệm hướng dẫn, đôn đốc, giám sát Trung tâm Dịch vụ nông nghiệp tỉnh Đồng Nai tổ chức thực hiện phương án.

6. Ủy ban nhân dân huyện các huyện: Trảng Bom, Vĩnh Cửu và thành phố Biên Hòa phối hợp với các Sở, Ban, Ngành liên quan thường xuyên đôn đốc, giám sát việc thực hiện Phương án theo đúng các nội dung đã được phê duyệt, phù hợp với quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất của tỉnh, của huyện, thành phố đã được phê duyệt.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

**Điều 4.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở: Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Tài nguyên và Môi trường, Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Công Thương, Xây dựng, Nội vụ; Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện: Vĩnh Cửu, Trảng Bom và thành phố Biên Hòa; Giám đốc Trung tâm Dịch vụ nông nghiệp tỉnh và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan căn cứ Quyết định thi hành. /s/

**Nơi nhận:**

- Như Điều 4;
- Bộ Nông nghiệp và PTNT (báo cáo);
- Thường trực Tỉnh ủy (báo cáo);
- Thường trực HĐND tỉnh (báo cáo);
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Chánh, các Phó Chánh Văn phòng UBND tỉnh;
- Chi cục Kiểm lâm;
- Lưu VT, KTN.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**



Võ Văn Phi